ĐỂ THỊ LÝ THUYẾT NỘI YHCT 4 LT - LÂN I NIÊN KHOA : 2018 - 2019

Chọn 1 câu trả lời đúng

Thời gian: 45 phút (60 câu) MÃ ĐÉ: 111

 Bệnh nhân nam 22 tuổi tiền căn hen từ nhỏ. Khoảng 5 năm nay, hen không tái phát nên bn tự ý ngừng thuốc hen. Bắch cần hen từ nhỏ. Khoảng 5 năm nay, hen không tái phát nên bn tự ý ngừng thuốc hen. Bệnh 6 ngày với số mũi, nhức đầu, đau họng diễn tiên nặng hơn 2 ngày nay với họ khỏ khỏ khỏ thị. với ho khỏ khẻ khiến bị phải đến cấp cứu. Tại phòng cấp cứu, nói từng cụm từ. Nhíp thờ 26 lần/phút. Cân nặng 48kg. Khỏ khỏ lan tỏa 2 phế trường. Các điều trị hen cấp mức độ trung bình phù hợp là? D. Theophylline truyền tính mạch

A. Magnesulfate tinh mach B. Ipratropium bromide

Prednisone 5mg 10 viên uông ngay C. Magnesulfate khí dung lập tức 2. Tần suất hen chưa đạt kiểm soát phải nhập viện, khám cấp cứu, khám không định trước ở Việt Nam năm 2005 là bao nhiều?

1. 0-5% 25-30%

70-75% E. 95-100%

45-50% 3. Nếu corticoid hít, Bệnh đồng mắc thường gặp trên bệnh nhân hen, CHON CÂU SAI:

1. Viêm mũi B Thoái hóa khóp D. Béo phì E. Trào ngược đạ đây thực quản

4. Bệnh nhân nữ 28 tuổi có hen khởi phát bởi các yếu tố dưới đây. Yếu tố nào được xem là yếu tố nguy cơ mắc đợt cấp hen trong tương lai?

(A.) Dị ứng nguyên Thay đổi thời tiết D. Nhiễm trùng hô hấp

Thức ăn

5. Bệnh nhân nam 20 tuổi, chẩn đoán hen được ghi nhận năm 17 tuổi sau một lần nhập viện vào săn sóc đặc biệt. Lựa chọn tốt nhất cho điều trị kiểm soát hen:

(A.) Corticoid hít (ICS) liều thấp

B. Không sử dụng thuốc kiểm soát hen, chỉ dùng thuốc cắt cơn

C. Formoterol và corticoid hít liều thấp (budesonide hoặc beclomethasone)

D. Đồng vận beta 2 hít tác dụng dài

Kháng thụ thể leukotriene (LTRA) 6. Bệnh nhân nữ, 38 tuổi, đến phòng khám vì khó thở cơn, trong cơn có khỏ khè, FEV1 trước thừ thuốc 2,5 lít (62,5% dự đoán) ứng với VC là 3,64 lít; sau thử thuốc FEV1 là 3 lít (75% dự đóan). Chẩn đoán nhiều khả năng nhất:

Viêm tiểu phế quản

B. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

D. Hen tim

E. Di vật đường thờ

7. Bệnh nhân nam 18 tuổi, theo dõi và điều trị hen ở phòng khám 2 năm nay. Hen ổn định với Seretide 25mcg/125mcg 1 hít/ngày khiến hiếm khi dùng cắt cơn. Khi đi khám định kỳ bệnh nhân than ho 3 ngày qua kèm số mũi. Khó thở kèm khò khè phải hít cắt cơn 2 lần/ngày trong 3 ngày qua nhưng vẫn ngủ được. Khám phổi bình thường nhưng có ít ran rít ngáy đều 2 bên khi thờ ra

gắng sức. Thuốc kiểm soát hen nên kê toa: Seretide 25mcg/125mcg 1 hít x 1/ngày

Seretide 25mcg/125mcg 1 hít x 2/ngày

Seretide 25mcg/125mcg 2 hít x 2/ngày

D. Seretide 25mcg/125mcg 4 hít x 2/ngày E. Seretide 25mcg/250mcg 2 hít x 2/ngày	
E. Seretide 25mcg/250mcg 2 into 25mcg/250mcg 8. Magne sulfate trong hen cấp, CHON CÂU SAI	D. Nên dùng sớm cho mọi cơn hen
8. Magne surface trong new 1	E. Có hiệu quả nhanh
A. Liều 2-4g/lần	E. Co niçu qua mam.
B. Dùng I lần duy nhất	
C. Nên truyền tĩnh mạch nhanh	m đau điển hình trong việm tụy cap:
C. Nên truyền tĩnh mạch nhanh 9. Đặc điểm nào sau đây phù hợp với biểu hiện cơ	
A. Con dau knot phat tu tu vulig they is	
B Dau lan lên dọc sau xương ức	
C.) Cường độ đau đạt mức tôi đa sau 30 phút	
C. Cường độ đau đạt mức tối đa sau 30 phút D. Đau quặn con vùng thượng vị	
E Bánh nhận không có tự thế giám đầu	arrant a sentent
10. Dấu hiệu giúp dự đoán viêm tụy cấp không nặt	ng (HAPS) dựa trên các yếu to
 A. Đề kháng thành bụng, ure huyết, creatinin 	huyêt
B. Đề kháng thành bụng, Hct, ure huyết	
C.) Đề kháng thành bụng, Hct, creatinin huyế	t
B. Hct, CRP và ure huyết	
E. Hct, ure huyết và creatinin huyết	
	ộ nặng của viêm tụy cấp dựa trên các tiêu chí về:
A Suy tạng	
Suy tạng, biến chứng tại chỗ	
C. Suy tạng, biến chứng toàn thân	
D. Biển chứng tại chỗ và biến chứng toàn thá	ân .
E. Suy tạng, biến chứng tại chỗ và biến chứn	ng toán thần
12. Động học của men Amylase máu trong việm tr Bắt đầu tăng sau 1 giờ, về bình thường sa	uy cap:
B. Bắt đầu tăng sau 1 giờ, về bình thường sa	u 3 – 5 ngay
C. Bắt đầu tăng sau 2 giờ, về bình thường sai	u / – 10 ngay
D. Bắt đầu tăng sau 3 giờ, về bình thường sai	u 7 - 10 ngay
E. Dal dau lang sau 5 giời về bình thường and	10 14)
15. Deini man viem tuy cap do soi ông mật chủ có	kàm nhiều anh a h
định làm nội soi mật tụy ngược dòng lấy sỏi tro	ong vòng
A. O gio sau nnap vien	
B. 12 giờ sau nhập viện	D. 48 giờ sau nhập viện
C 24 giời cau nhân viâ	E. 72 giờ sau nhập viện
14. Lợi ích của việc truyền dịch trong việm tuy cất	đạt kắt quả sắc -1 ố.
khoảng thời gian tính từ lúc nhập viện là:	die net qua tot mat neu duge thire hiện trong
A 0 − 12 giờ	
(B.) 12 – 24 giờ	D. Trong vòng 48 giờ
24 – 36 giờ	E. Trong vòng 72 giờ
15. Trong điều trị viêm tụy cấp, nhóm kháng sinh đ kháng sinh phòng ngừa là:	Iron ob 1 1)
kháng sinh phòng ngừa là:	được chọn lựa đầu tay khi có chỉ định sử dung
1 I I I I I I I I I I I I I I I I I I I	
B. Cephalosporine thể hệ III	D. Cephalosporin thế hệ III +
C. Fluoroguinolone + Met	Metronidazole
The wice all view his con do tan me.	(E.) Imipenem
Triglyceride trong máu đến mức:	c, mục tiêu điều trị cần nhằm đấn làm h
A. < 200 mg/dl	, जा सामा बंदा खा। तर्व
B. <300 mg/dl	D. < 500 mg/dl
C. < 400 mg/dl	E. < 600 mg/dl
C. \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \ \	C. \ ooo mg/dl

17. BNP và NT-pro-BNP trong suy tim: A. Duọc phóng thích tử tim bị suy B. Cũng tàng trong suy tim có EF (phán suất tổng máu) bào tồn 18. Các yếu tổ thúc đẩy suy tim. CHON CẦU SAI: A. Am mặn B. Uổng rượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Ho vẻ đểm thương đi kẽm với khỏ thỏ khi gắng sức B. Khỏ thổ do cơ chế quan trong nhất là giảm độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thở C. Khỏ thổ nàm xuất hiện sớm hơn khỏ thỏ do gắng sức B. Khỏ thổ dò cơ chế quan trong nhất là giảm độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thở C. Khỏ thỏ nàm xuất hiện sớm hơn khỏ thỏ do gắng sức B. Thỏ Cheynes-Stokes thưởng thủy suy tim đi tiển triển 20. Thuốc chen kênh Canxi dũng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nitedipine B. Dilitiazem C. Tăng theo tinh trạng suy chức nằng gan D. Nei mond kháng việm nonsteroid D. Nei và tang sức cản đường thở C. To thuốc chen kênh Canxi dũng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nitedipine B. Dilitiazem C. Loa thước chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Câc biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trái B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ C. 30 – 50% C. To đầu chỉ D. Ngh thượng thận mãn B. Nhược giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ D. Spironolactone B. Indapamide B. Nhược giáp C. To đầu chỉ D. A, B dũng E. A, B, C đũng C. A Bộ dũng D. A, B đúng D. Spironolactone B. Indapamide C. Hinhốc hạ àp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp. C. Kháng aldosterone C. Nháng aldosterone C. Nháng aldosterone C. Han thước là <= 3 điểu/ngày C. Giảm thuốc lặt <= 3 điểu/ngày C. Giảm thuốc lất <= 3 điểu/ngày		
A. Dược phóng thích từ tim bị suy B. Cũng tăng trong suy tim có EF (phân suất tổng máu) bào tỏn 18. Các yếu tổ thức đấy suy tim. CHON CÂU SAI: A. Ân mặn B. Uổng tượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Họ về đểm thường đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thở dọ cơ chế quan trong nhất là giám độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thờ C. Khó thở nằm xuất hiện sớm hom khó thờ dọ gắng sức B. Khó thờ kịch phát về đểm giảm khi ngôi thẳng buổng thồng hai chân 20. Thuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem C. Pelodipine C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Thin bộc tách động mạch chủ C. Jân bì thì bộc tách động mạch chủ C. Tinh bộc tách động mạch chủ C. Tinh bộc tách động mạch chủ C. Tinh bộc tách động trong điều trị cơn tăng huyết áp. C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. Microprolol C. Thuốc cứ chế beta nào sau đẩy thải trử qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Microprolol C. Microprolol C. Thuốc cứ chế beta nào sau đẩy thải trử qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Microprolol C. Kháng aldosterone B. Hoạt động thể lùc 30 phát/tuần C. Kháng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cần B. Hoạt động thể luc 30 phát/tuần C. Giảm thhốc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thhốc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thhốc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc lầ cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết áp. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết ap. C. Giảm thiếc là cs. 33 khẩng gầu cháng huyết ap.	17. BNP và NT-pro-RNP trong suy time	
B. Cổng tăng trong suy tim có EF (phân su tông trong suy tim có EF (phân su tông máu) bào tồn 18. Các yếu tố thúc dấy suy tim. CHON CÂU SAI: A. Ân mãn B. Uổng trượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Ho về đểm thường đi kẻm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thỏ do cơ chế quan trọng nhất là giảm độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thờ C. Khó thờ hi kịch phát về đểm giảm khi ngột thấng buổng thông hai chân E. Thờ Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã tiến triển A. Nifedipine B. Diltazem E. Tát cả đúng 21. Các thước chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biển chứng sau đẩy là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trấi B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ 23. Tang huyết áp cố nguyên nhân chiếm tí lệ: A. Cương giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợt tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. To đầu chi 25. Thuốc lợt tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợt tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide D. A, B đúng E. A, B, C đúng D. A, B đúng E. A, B, C đúng D. A, B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A chết rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Thướu chi thể cá sa 3 đư	A. Dugo phong thich tix tim hi any	C. Tăng theo tinh trang suy chức nặng gan
suát tổng máu) báo tổn 18. Các yếu tổ thúc đấy suy tim. CHON CÂU SAI: A. Ấn mặn B. Ưổng tượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Họ về đểm thường đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chế quan trong nhất là giảm độ chun đãn phỏi và tang sức cản đường thờ C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơm khó thờ do gắng sức B. Khó thờ kịch phát về đểm giảm khi ngôi thẳng buổng thổng hai chấn 20. Thước chen kehn Canxi dùng được cho bệnh nhần suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem Felodipine 21. Các thước chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trái B. Suy vành C. Prình bộc tách động mạch chủ 23. Tặng huyết áp cổ nguyên nhận chiếm ti lệ: A. Cương giáp B. Nhược giáp C. Tổ đầu chi C. Tổ đầu chi C. Thưốc tọ cố beta nào sau đẩy thải trử qua gan: A. Atenolol B. Sotalol Metoprolol C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Giảm thuộc lất sẽ 3 đống dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cần B. Hoạt động thệ lực 30 phật/tuần C. Giảm thuộc lất sẽ 3 đống lược cho C. Giảm thuộc lất sẽ 3 đống thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cân giảm cần B. Hoạt động thệ lực 30 phật/tuần C. Giảm thuộc lất sẽ 3 đống lược A. Chior din hiể: A. C. Giảm thuộc lất sẽ 3 đống lược C. Học chến chuộc lớc sẽ 3 đống lược C. Học chến chuộc lất sẽ 3 đống lược C. Học chến chuộc lất sẽ 3 đống lược C. Học chến chuống lược lược lược C. Đống lược C. Đống lược C. Tổng lược C. Tổng lược C. Tổng lược C. Tổng lược	B. Cũng tặng trong guy tim cá EE (-b.)	
A. Ån mận B. Uống rượu C. Thai kỳ P. Triệu chứng cơ nông của suy tim: A. Ho về đêm thường đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thờ đươ cơ chế quan trong nhất là giám độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thờ D. Khó thờ nằm xuá thiện sớm hơn khó thờ do gặng sức E. Thờ Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Dilitazem C. Felodipine B. Dilitazem C. Felodipine D. Verapamil E. Tất cá đứng 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ; A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Phinh bộc tách động mạch chủ S. Tâng huyết áp; NGOAI TRỬ; A. Dây thất trái B. Suy vành C. Phinh bộc tách động mạch chủ S. Tâng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, A. Chlorothiazide B. Nhược giáp C. To đầu chi D. A, B đúng B. Nhược giáp A. Chlorothiazide B. Nadapamide C. Frosemide C. Thuốc che beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Attenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Thuốc hạ ấp bất buộc sử dụng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chrorothiazide B. Indapamide C. To đầu chi D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A và B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A bầu huyết áp sau nhỗi máu cơ tim nếu không có C. Kháng aldosterone D. A B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng aldosterone D. A, B đúng C. Kháng nhưệt áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cản giảm cân B. Hoat động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lás <= 3.4 đầu tranghy	Suất tổng mán) khi và	
A. An mạn B. Uống rượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ nông của suy tim: A. Ho về đềm thưởng đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chế quan trọng nhất là giảm độ chun dẫn phổi và tang sức cản đường thờ C. Khó thỏ mần xuất hiện sớm hơn khó thờ do gắng sức E. Thờ Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã tiền triện 20. Thuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem C. Felodipine B. Diltiazem C. Belodipine C. Bisoprolol C. John thức tực thất trừ qua gan: A. Chương giấp B. Nhược giấp C. To đầu chi C. Thuốc tực chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Hoạt động huệt áp khổng dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cản giảm cản B. Hoạt động thế lực 30 phút/tuần C. Giảm thực liệc 3-4 đầu truầu	18 Các vấu tổ thức để	E. A, B, C dung
B. Uống rượu C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Ho về đêm thường đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chể quan trong nhất là giảm độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thờ C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thờ do gắng sức D. Khó thờ kịch phát về đềm giảm khi ngỗi thầng buồng thông hai chân 20. Thước chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Dilitaizem C. Felodipine B. Dilitaizem C. Tát cả đứng 21. Các thuộc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Jâng huyết ap có nguyên nhân chiếm ti lệ: A. 10% C. 30 - 50% C. Thước giáp B. Nhược giáp A. C. Cương giáp B. Nhược giáp A. C. Tốt đầu chi C. To đầu chi C. Furosemide C. Furosemide C. Truốc kỳ tiểu dược dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Thước tác chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Jiầm thuộc là se - 3 chiến châng cản huyết áp C. Kháng aldosterone C. Jiầm thuộc là se - 3 chiến châng cản D. A và B đúng E. A, B, C đúng C. Kháng aldosterone C. Jiầm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Hước truc thữ se trước làu truởu chiến truc truc từ các chế truc thuộc là se - 3 chiến truểu C. Giảm thuộc là se - 3 chiến truểu C. Hước truc thuộc là se - 3 chiến truểu C. Hước truc thuộc là se - 3 chiến truc truc thuộc truc thuộc thuộc là se - 3 chiến truc thuộc thuộc là se - 3 chiến truc thuộc thuộc thuộc thuộc thuộ	A A A A A A A A A A A A A A A A A A A	
Dùng kháng viễm nonsteroid C. Thai kỳ 19. Triệu chứng cơ năng của suy tim: A. Ho về đềm thường đi kèm với khỏ thờ khi gắng sức B. Khỏ thỏ do cơ chế quan trong nhất là giám độ chun dẫn phối và tang sức cản đường thờ C. Khỏ thỏ rằm xuất hiện sớm hơn khỏ thỏ do gắng sức R. Khỏ thờ kịch phát về đềm giảm khi ngỗi thẳng buông thông hai chân Thờ Cheynes-Stokes thường thậy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chẹn kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem C. Felodipine 21. Các thuốc chẹn beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ; A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ; A. Dây thất trái B. Suy vành C. Phình bộc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A. Cường giáp B. Nhược giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To châu chi C. To châu chi B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Thuốc chậ phất buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone C. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thực lệ sẽ 34 đầu trayền D. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Jiàn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Jiàn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Jiàn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Jiàn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu E. Jiàn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu		D Nhiễm Helicobacter pylory
19. Triều chứng cơ năng của suy tim: A. Ho vẻ đềm thường đi kèm với khó thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chế quan trọng nhất là giảm độ chun dân phỗi và tang sức cần đường thờ C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thờ do gắng sức B. Khó thờ kịch phát vẻ đềm giảm khi ngôi thẳng buổng thồng hai chấn E. Thờ Cheynes-Stokes thưởng thấy suy tim đã tiến triển 20. Triuốc chẹn kènh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Dilitiazem C. Felodipine D. Verapamil E. Tất cả đúng 21. Các thuốc chẹn beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đẩy là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A. 10% B. 10 – 30% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cương giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Diễu trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phùt/tuần C. Giảm thuốc 18 < - 3 đián/tuần D. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml prou		E. Dùng kháng viêm nonsteroid
A. Ho ve đem thường đi kèm với khỏ thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chế quan trong nhất là giảm độ chun dẫn phổi và tang sức cản đường thở C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thỏ đo gắng sức D. Khó thỏ kịch phát về đêm giảm khi ngồi thắng buông thồng hai chấn E. Thờ Cheynes-Stokes thưởng thấy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chẹn kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Dilitazem C. Felodipine 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Diện chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trái B. Suy vanh C. Phinh bốc tach động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A) < 10% B. 10 – 30% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiêu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ D. A, B đúng E. A tenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Diễu trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Ưc chế beta B. Ước chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thế lực 30 phùt/tuần		
A. Ho ve đem thường đi kèm với khỏ thờ khi gắng sức B. Khó thờ do cơ chế quan trong nhất là giảm độ chun dẫn phổi và tang sức cản đường thở C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thỏ đo gắng sức D. Khó thỏ kịch phát về đêm giảm khi ngồi thắng buông thồng hai chấn E. Thờ Cheynes-Stokes thưởng thấy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chẹn kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Dilitazem C. Felodipine 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Diện chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trái B. Suy vanh C. Phinh bốc tach động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A) < 10% B. 10 – 30% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiêu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ D. A, B đúng E. A tenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Diễu trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Ưc chế beta B. Ước chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thế lực 30 phùt/tuần	19. Triệu chứng cơ năng của suy tim:	
C. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thờ do gắng sức D. Khó thờ nằm xuất hiện sớm hơn khó thờ do gắng sức D. Khó thờ kịch phát vẻ đểm giảm khi ngỗi thầng buông thông hai chân 20. Thuốc chen kénh Camxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem D. Verapamil E. Tất cả đúng 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỮ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A. 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cương giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi C. To đầu chi D. A. B dùng B. Indapamide B. Indapamide C. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Thuốc hạ ấp bất buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỗi mâu cơ tim nếu không có chống chỉ định lầ: A. Lýc chế beta B. Ước chế beta B. Lhoat dùng thống dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thế lực 30 phư/truận B. Hoạt động thế lực 30 phư/truận C. Giẩm huỗc lá < 3 đ, điển (vash).	A. Ho vẻ đếm thường đi kèm với khó thở khi gắ	ing sức
E. Thờ Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem D. Verapamil E. Tất cả đúng 21. Các thuốc chẹn beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Propranolol C. Phình bốc tách động mạch chủ B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phinh bốc tách động mạch chủ C. John huệt ap có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A. 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To dầu chỉ C. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị com tăng huyết áp: A. Cương giáp A. A. Cương giáp A. A. Chorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Huốc ức chế beta nào sau đây thải trử qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Diều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phứ/tuần C. Giẩm thuốc lấc - 3 điểu/(next).	. It is the tip to the dian trong phat is all a	Additional and the Control of the Co
E. Thờ Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã tiến triển 20. Thuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem C. Felodipine C. Tát cả đúng C. Tát cả đúng C. Tát cả đúng C. Tát cả đúng C. Sisoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. Pisoprolol C. Phình bóc tách động mạch chủ C. Phình bóc tách động mạch chủ C. Phình bóc tách động mạch chủ C. John Son (E. 200%) C. John Metoprolol C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. John John John John John John John John	C. Khổ thờ năm xuất hiện sớm hơn khó thờ do s	rang sire
20. Hưuốc chen kênh Canxi dùng được cho bệnh nhân suy tim: A. Nifedipine B. Diltiazem C. Felodipine 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thát trải B. Suy vành C. Phinh bốc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A. 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. To đầu chỉ C. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ C. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Giảm thuốc lá <- 3. điầu tưởng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuẩn C. Giẩm thuốc lá <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lấ <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tưởng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tướng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tướng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tướng thuốc: C. Giẩm thuốc lất <- 3. điầu tướng thuốc	A TO GIO KICH DHAI VE dem giam bli - 21 11	
A. Nifedipine B. Diltiazem C. Felodipine D. Verapamil C. Felodipine E. Tắt cả đúng 21. Cac thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol C. Bisoprolol C. A. Dày thất trải B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Phình bốc tách động mạch chủ C. Tâng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A. 10% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. 30 – 50% C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To đầu chỉ C. To đầu chi C. To đầu	E. Tho Cheynes-Stokes thường thấy suy tim đã	tiến triển
D. Verapamil Felodipine 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ; A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ; A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ 23. Tặng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ:	Cally Cally all of the cho hand at a	Suv tim:
Felodipine 21. Các thuốc chen beta sau đây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dây thất trái B. Suy vành C. Phình bốc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: 31. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: 32. Tông huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: 33. Tông huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: 34. Cường giấp B. Nhược giấp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. To đầu chỉ 26. Thuốc tức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi mấu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ư c chế beta B. Ư c chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điển/gaph.		D Veranamil
21. Các thuốc chẹn beta sau dây được khuyên sử dụng trong điều trị suy tim, NGOAI TRỬ: A. Carvedilol B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A. 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. To đầu chỉ D. Suy thượng thận mãn B. Nhược giáp C. To đầu chỉ C. Truốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Furosemide D. A, B đúng E. A, Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone C. Giảm thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Thuốc thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Giảm thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Giảm thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Thuốc thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Thuốc thuốc lất chuốc (Ngah) C. Thuốc thuốc lất <= 3 điểu (Ngah) C. Thuốc (N	B. Diltiazem	F. Tất cả đúng
B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 4. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ước chế beta B. Ước chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Diều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lệ <= 3 điểu/knàu	Pelodipine	
B. Metoprolol C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A 10 - 30% C. 30 - 50% C. 30 - 50% C. 4. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ước chế beta B. Ước chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Diều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lệ <= 3 điểu/knàu	21. Cac thuộc chẹn beta sau đây được khuyên sử dụng	trong điều trị suy tim NCOAL TRA
C. Bisoprolol 22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trấi B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tặng huyết áp có nguyên nhân chiếm ti lệ: A) < 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tặng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hại áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tặng huyết áp sau nhỗi máu cơ tim nếu không có chồng chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Diểu trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phứt/tuần C. Giảm thuốc lất <= 3 điểu (poà)	A. Carvedilol	D. Nebivolol
22. Các biến chứng sau đây là của tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Dày thất trái B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ E. Con thoáng thiếu máu não 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A < 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% E. > 90% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ ấp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cân giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điể/(proàu)		
B. Suy vành C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A < 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thái trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Inuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ư c chế beta B. Ư c chế men chuyển C. Kháng aldosterone C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giẩm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lấ <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Thuốc da phá thuốc lật <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lớc chi tuổn thuốc lật <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lớc chi thuốc (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lớc chi thuốc (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc lất <= 3 điấu (no chì tuồn) C. Giầm thuốc (no chì tuồn) C. Giầm thuốc (no chì tuồn) C. Giầm thuốc (no chì tuồn)	22. Các biến chứng sau đận là	
B. Suy vành C. Phính bóc tách động mạch chủ 23. Tặng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A < 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỗi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ửc chế beta B. Ức chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giám cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lới các ng lám cân C. Giảm thuốc lới lá <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lới là <= 3 điấu (ng ch). C. Giảm thuốc lới các ng lới (ng ch). C. Giảm thuốc lới (ng ch). C. Giảm thuốc lới các ng lới (ng ch). C. Giảm thuốc lới (ng ch). C. Giảm thuốc (ng ch	A. Dày thất trái	
C. Phình bóc tách động mạch chủ 23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A < 10% B. 10 - 30% C. 30 - 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc tro chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ư c chế beta B. Ư c chế men chuyển C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Kháng aldosterone C. Họi tiến dực dùng thuốc: A. Tất cá bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/to cầu C. To chế thuốc thuộc là <= 3 điấu/to cầu C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/to cầu C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/to cầu C. To chế thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To chế thuộc là <= 3 điấu/to cầu C. To chế thuộc thục là chi C. To đầu thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To chế thuộc thục là <= 3 điấu/to cầu C. Giảm thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuộc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuốc là <= 3 điấu/to cầu C. To đầu thuộc là <= 3 điấu thuốc là <= 3 điấu lou C. To đầu thuốc là <= 3 điấu lou C. To đầu thuộc là <= 3 điấu lou C. To đầu thuộc là <= 3 điấu lou C. To đầu thuộc là c		D. Ap xe não 🖊
23. Tăng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ: A < 10% B. 10 – 30% C. 30 – 50% E. > 90% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide C. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol C. Metoprolol C. Kháng aldosterone B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/troều. C. Giảm thuốc lợ <= 3 điấu/troều. C. Giảm thuốc lợc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có D. A và B đúng E. A, B, C đúng C. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượi.	C. Phình bộc tách động mạch chủ	E. Con thoáng thiếu máu não
24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. I thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lắ <= 3 điấu/(socia)	23. Tặng huyết áp có nguyên nhân chiếm tỉ lệ:	
E. > 90% C. 30 – 50% 24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/toxàu C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/toxàu C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/toxàu	(A) < 10%	D 50 709/
24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết áp, NGOAI TRỬ: A. Cường giáp B. Nhược giáp C. To dầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu (no là).		
A. Cương giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Inuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu la chỉ thuốc		
A. Cương giáp B. Nhược giáp C. To đầu chi 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Inuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu la chỉ thuốc	24. Các nguyên nhân nội tiết sau có thể gây tăng huyết á	ip, NGOAI TRÙ:
C. To đầu chỉ 25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị cơn tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/toxicu.	A. Cuong giap	
25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huyết áp: A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tặng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tặng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu (noà).	B. Nhược giáp	E. U tủy thượng thân
A. Chlorothiazide B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhỏi máu cơ tim nếu không có chổng chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cần B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/noày. D. A, B đúng E. B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml pron		
B. Indapamide C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ưc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy C. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml rượu	25. Thuốc lợi tiểu được dùng trong điều trị con tăng huy	êt áp:
C. Furosemide 26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/noày. D. A, B đúng E. B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml pron		
26. Thuốc ức chế beta nào sau đây thải trừ qua gan: A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nươu		E. Amiloride
A. Atenolol B. Sotalol C. Metoprolol 27. Inuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ức chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy E. A, B, C đúng D. A, B đúng E. B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng E. A, B, C đúng E. A, B, C đúng D. A, B đúng E. B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng E. A, B, C đúng D. A, B đúng E. B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng E. A, B, C đúng E. A, B, C đúng D. A và B đúng E. A, B, C đúng	26 Thuốc ức chất họte - la	
B. Sotalol C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chồng chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày E. A, B dùng E. A, B c đúng E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nươn	A Atendal	
C. Metoprolol 27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Ưc chế beta B. Ức chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy E. B, C dùng D. A và B đúng E. A, B, C đúng E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nươn		D. A, B dúng
27. Thuốc hạ áp bắt buộc sử dụng trên bệnh nhân tăng huyết áp sau nhồi máu cơ tim nếu không có chống chỉ định là: A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu		E. B, C đúng
A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nươn	27 Tourischa án hất huậc mữ dụ thiên	(c. Martine Tale
A. Úc chế beta B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nươn	chống chỉ định là:	huyết áp sau nhỗi máu cơ tim nếu không có
B. Úc chế men chuyển C. Kháng aldosterone 3. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lấ <= 3 điấu/ngầy E. A, B, C đúng D. Giảm muối < 6gr Na/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu		
B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu		(D.) A và B đúng
B. Điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc: A. Tất cả bệnh nhân đều cần giảm cân B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu	C. White the men chuyen	E. A. B. C dúng
A. Tat cá bệnh nhân đều cần giảm cần B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu	C. Knang aldosterone	5
A. Tat cá bệnh nhân đều cần giảm cần B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngầy E. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu	Dieu trị tang nuyet áp không dùng thuốc:	
B. Hoạt động thế lực 30 phút/tuần C. Giảm thuốc lá <= 3 điấu/ngày. Hạn chế rượu: nữ <= 30 ml nượu	A. Tat cá bệnh nhân đều cần giảm cần	D. Giảm muất có sự c
C. Giảm thuộc lá <= 3 điấu/ngày.	B. Hoạt động thể lực 30 phút/tuần	F Hon sh
	C. Giảm thuốc lá <= 3 điểu/ngày	whisky/ngày

29. Bệnh nhân nam 40 tuổi. Tiền căn hen phế quản đang	diễu trị. Tang nuyết ap môi phát trị. Tân số tim 100 lần/phút.	
29. Bệnh nhân nam 40 tuổi. Tiền căn hen phê quản đang nay điều trị BS tư Captopril 1 viên/ngày. Hiện còn	nhức đầu, họ khái. Tài số tiển thiết thiếng.	
nay điều trị BS tư Captopril 1 viên/ngày. Hiện con Huyết áp 160/90 mmHg. Xét nghiệm eGFG=70 ml	phút. Đương nuyết và lới đó binh nhận:	
Huyết ấp 160/90 mmHg. Xết nghiệm eGFG-70 lư Tổng phân tích nước tiểu có vi đạm niệu. Chọn lựa th	huốc huyết áp hàng ngày cho bệnh thian.	
A. Nifedipine 20mg 1 viên x 2 lần uống		
B. Diltiazem 100mg 1 viên uống + Losartan 50mg	1 viên uống	
C. Amlodipin 5mg 1 viên uống + Metoprolol 50mg	1 viên uống	
D. Bisoprolol 5mg 1 viên uống		
E. Enalapril 5mg 1 viên uống + amlodipine 5mg 1	viên uống	
30. Hội chứng mạch vành cấp là một thể lâm sảng của tìr	nh trang nào sau đây:	
A. Suy mạch vành.	D. Bệnh động mạch vành.	
B. Thiểu máu cơ tim.	E. Bệnh tim thiếu máu cục bộ.	
C. Thiểu năng vành.		
31. Bệnh nhân nam, 66 tuổi, nhập viện trong bệnh cảnh	đau ngực sau xương ức sau 40 phút. Khám	
inc nnap viện: mạch 80 lân/phút, phôi không ran, kh	ông nghe âm thôi ở tim: HA 140/80 mmHo	
Dien cam do: nnip xoang 124 lan/phút: ST chênh lên	cao vông 5 mm từ V1 tới V5, sóng T không	
so. as-cini so ag/L (<14 ag/L). Điều tri cân cứu tôi i	ưu cho bệnh nhân này là gì:	
- I nuoc tieu soi huvet.	 D. Kháng kết tập tiểu cầu kép. 	
B Can thiệp mạch vành. C. Statin liêu cao.	E. Chen beta giao cam.	
37 Kháng tiểu cầu lợc là mọc tết to lợc trong		
32. Kháng tiểu cấu kép là sự phối hợp thuốc nào sau đây: A. Aspirin với 1 thuốc ức chế thụ thể 	C	
P2Y12.	C. Aspirin với enoxaparine. D. Aspirin với statin liều cao.	
B. Hai thuốc ức chế thu thể P2Y12.	E. Aspirin với thuốc tiêu sợi huyết.	
33. Liều nạp aspirin trong nhồi máu cơ tim cấp là bao nhi	êu:	
A. 81-162 mg nhai hay tán nhỏ uống.	C. 400 - 800 mg uống.	
(B.) 162 - 325 mg nhai hay tán nhỏ/	D. 1000 mg uống.	
uong.	E. Càng cao càng tốt.	
34. Thuốc nào không trong nhóm điều trị hỗ trợ trong nhỏ		
A. Statin liều cao	D. Úc chế aldosterone	
B. Úc chế men chuyển	E. Tiêu sợi huyết /	
C. Chen beta giao cám		
35. Statin não được lựa chọn trong nhôi máu cơ tim cấp:	D. Fluvastatin	
A. Atorvastatin B. Simvastatin	E. Lovastatin	
C. Pravastatin	L. Lovasiatili	
36. Nhỗi máu cơ tim cấp không ST chênh lên nguy cơ ca	io cần can thiên sớm trong vòng bao lâu:	
A. 2 giờ	D. 72 giờ	
B 24 giờ	E. 7 ngày	
C. 48 giờ	E. ringuy	
37. Bệnh nhận nam 79 tuổi, 80 kg, NMCT cấp ST chêr	ah lên thành trước giờ 8 liệu enoxaparin cho	
mỗi 12 giờ TDD là bao nhiều:	in ten thann trace gio o, new one-r	
	D. 50 mg	
A. 80 mg	E. 40 mg	
B. 70 mg	E. 40 mg	
(C.) 60 mg		
Câu 38-41 cùng 1 bệnh án		
Bệnh nhân nữ 50 tuổi, nhập viện vì ói và tiêu chảy	Vhoàng 2h sau đó, bệnh	
Benh nhan nữ 50 tuôi, nhạp viện vi ôi và tiêu chảy Cách nhập viện 1 ngày, bệnh nhân nuốt sống mật cá trắm c	o de giam dau lung. Kilodig zil odnog mỗi lần	
Cách nhập viện 1 ngày, bệnh nhân nuốt song mặt cá tram có để giam dấu lưng. Khoảng nhân thấy đầu bụng thượng vị và quanh rốn, sau đó nôn 3 lần ra thức ăn, sau ra mật vàng, lượng mỗi lần nhân thấy đầu bụng thượng vị và quanh rốn, sau đó nôn 3 lần ra thức ăn, sau ra mật vàng, lượng mỗi lần nôn khoảng 200mL và tiêu chây phân lỏng, toàn nuốc 2 lần, mỗi lần khoảng 200mL. Bệnh nhân n mệt		
nón khoảng 200mL và tiêu chảy phân lỏng, toàn nước 2 lầi	n, môi lân khoảng 200mL. Benir man	
và té siu trong toilet, và được đưa đi nhập viện		

tuần

		- Soon officer
38. Theo Anh chị, tổng lượng nước mắt của bn ni	by mone 240	2 200 miles
A. 1000mL /		>2000ml
B. 1200mL	F.	
C. 1500mL 39. Khám lúc nhập viện ghị nhận, mạch 120 lầu	Jahre bond	e an năm 150/90 mmHz. huyết áp ngô
39. Khám lúc nhập viện ghi nhận, mạch 120 ta 130/80mmHg, đa khô, đấu véo đa đương tính	Manh albi avi	by Apar mire his mile made color du mire di
130/80mmHg, da kho, dau veo da duong unn	. All sail an	Ma muce many
A. Mất nước nhẹ		Jan Harris
 B. Mắt nước trung bình 40. Bệnh nhân khai từ sáng đến lúc nhập viện, bệ 	eil eiliön ollus	. A rien Ditt worde tien ohi er Monitott
xét nghiệm BUN 50mg/dL, creatinine 2mg/dl	Anh chi ch	ดา เหล้า ถึงตัว กลิก รอบ ก็ติเ
A. Tổn thương thận cấp trước thận, giai đơn		
B. Tổn thương thận cấp trước thận giai đoạ	n 3 do noo d	fác mit cá
C. Tổn thương thận cấp tại thận, giai đoạn	2. do neô đô	c māt ci
D. Tổn thương thận cấp trước thận, giai đoạ	m 3. do mát	nuróc
E. Ton thương thận cấp tại thân, giai đoạn ?	do mát mus	ne de la companya de
41. Anh chị chọn xử trí nào sau đầy tại phòng cần	citu trong 24	th đầu nhập viên:
A. Truyen Natrichlorur 0.9% 500 ml.		
B. Truyền Natrichlorur 0,9% 500mL, kèm (ducose 5% 5	00mL
C. Truyền Lactat ringer 500mL, kêm glucos	e 5% 500ml	
D. Truyền Lactat ringer 500mL 2 chai, kèm Truyền Natrichlorur 0,9% 500 mL 2 chai	glucose 20%	6 500mL
42. Mục tiêu quan trọng nhất của điều trị tồn thươn A. Bảo tồn tính mạng bệnh nhận và chỗ thiết	-45 - 4 -	
		म रामा केमा कुरमा प्राप्ता ग्रामा म कर
D. Truyen nước tích cực để thận mạn hỗi nh	127	
C. Dung lợi tiêu mạnh để cho họ chuyển con	e giai đoan d	is tien
2. Itali circ dulle cac iniliae and than		
E. Dinh dưỡng để tránh tặng creatinine huyế	t thanh	
43. Vguyên tắc dinh dưỡng ở bn tồn thương thận ci A. Tiết chế protein để tránh tăng creatinine	ip:	
B. Tiết chế muối để tránh tăng huyết áp		
C. Allong their che protein chi tiat ala		
D. Allong tief the munit chi tiat als		
L. CHOH III CAC ION Brotom	V 200	
Câu 44 và 45 cùng về định nghĩa	ic cao y	
44. Theo KDIGO, , mức tăng của creatinine huyết thương thận cấp	thanh D. L.	
thương thận cấp	RC Rt ministra	o nhiều đủ tiêu chuẩn chấn đoàn tiên
V ₃ ZHIg/UL		
B. 0,3mg/dL	D.	0,5mg/dL
C. 0,4mg/dL	E,	0,6mg/dL
45. Lý do của việc chọn lựa này:		
A. Vì đơn giản và dễ nhớ	D	700
B. Vì được nhiều người đồng thuận	D.	Vi từ vong tăng gấp 7 ở mức này
	L,	Vi dự đoàn nguy có chuy Thần nhân
Do nhân nào của tổn thương thân cấn có thể	L3: 1	tao
46. Nguyên nhân nào của tổn thương thận cấp có thể A. Do suy tim	not bune no	eu phát hiện sớm:
Do ticu ilivoglobine	124	1 ac Vi mach thân
C. Do noai tir vià el o	24	An1 - an
47. Trụ rộng trong nước tiểu là bằng chứng của chắn l A. Thận đa nang		A S - MARIE ADMIN
A. Thận đa nang	đoán nào si	au đầy:
B. Thận ứ nước	D.	Tổn thương thận cấp
(C.) Suy thận mạn	F	Sối thần giữ the noi n
111411	1960	434 3 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1

Bệnh nhân nam 56 tuổi nhập viện với tình trạng chống mặt sau khi đi tiểu phân đen. Lúc nhập cấp cứu: M 108 lần / phút, HA: 90/70mmHg. Khám lầm sảng ghi nhận niêm nhợt, không ghi nhận bệnh phối hợp. M tuổ tạn r phụt, tr.A. 90/ rumming. Kham tạm sang gọi nhận mọn thiệt, không giữ thiệt bọch phốt tiểu hóa Kết quả xét nghiệm ở thời điểm nhập viện ghi nhận Het: 33,8%, Hb: 11,1g/dL. Kết quả nội soi tiểu hóa Tình huống sử dụng cho cấu 48 - 49 trên ghi nhận: đạ đây có ít mấu đen, mặt trước hành tá tràng có 1 ổ loét d = 1 cm, đáy có chỗi mạch máu. 48. Đánh giá mức độ xuất huyết ở bệnh nhân này là: A. Độ nhẹ B. Độ trung bình C. Độ nặng D. Chưa đánh giá được vì cần chờ đáp ứng với hồi sức dịch truyền 49. Phương pháp nội soi can thiệp cầm máu nào sau đây nên được ưu tiên chọn lựa ở bệnh nhân này: A. Chich Adrenaline 1/10.000 B. Kep clip cầm máu Thát thun Bệnh nhân nữ 56 tuổi nhập viện cấp cứu vì chóng mặt sau khi nôn ra máu. Lúc nhập khoa cấp cứu: bệnh nhân tinh, M 120 lần / phút, HA: 70/40mmHg. Kết quả công thức máu lúc nhập viện: Het: 22%, Hb: Tinh huống sử dụng sau cho câu 50 - 52 50. Đánh giá mức độ xuất huyết ở bệnh nhân này là: A. Độ nhệ B. Độ trung bình D. Chưa đánh giá được vi cần chờ đáp ứng với hồi sức dịch truyền E. Chưa đánh giá được vi cần chờ kết quả công thức máu kiểm tra 51. Xử trí KHÔNG phủ hợp ở thời điểm nhận bệnh ở cấp cứu A. Cho bệnh nhân thờ oxy qua sonde mũi và nằm đầu thấp B. Sử dụng bolus tĩnh mạch thuốc ức chế bơm proton liều cao C Truyền ngay dung dịch đẳng trương sẵn có D. Chuyển ngay đến phòng nội soi để thực hiện nội soi cầm máu 52. Bệnh nhân này khi nội soi tiểu hóa trên ghi nhận: dạ dày còn đọng máu đỏ bằm, vùng hang vị có I ổ loét d=1,2cm đáy có chồi mạch máu. Phân loại Forrest của ổ loét này thuộc nhóm: E. IIc A. la B. Ib 53. Chống chi định rửa dạ dày trong trường hợp ngộ độc nào sau đây : D. Ngộ độc hydrocarbon A. Ngộ độc thuốc rấy phospho hữu cơ E. Ngộ độc thuốc phiện B. Ngộ độc acetaminophen C. Ngộ độc kim loại nặng 54. Ngộ độc Benzodiazepine có các đặc điểm sau, NGOAI TRÙ: A. Benzodiazepine là nhóm thuốc có tác dụng an thần, gây ngủ, được sử dụng trong gây mê. B. Cơ chế gây độc là do tăng hoạt tính của chất ức chế dẫn truyền thần kinh GABA C. Liều ngộ độc đường uống khoảng gấp đôi liều điều trị D. Triệu chứng lâm sảng bao gồm hôn mê, đồng tử co nhỏ E. Định lượng nồng độ thuốc trong máu giúp xác định chần đoàn 55. Ngộ độc thuốc phiện có đặc điểm nào sau đây khác với ngộ độc thuốc rấy phospho hữu cơ: D. Mạch chậm, tụt huyết áp E. Không phân biệt được nếu chỉ dựa A. Hôn mê B. Suy hô hấp vào các đặc điểm trên C. Đồng từ co nhỏ

